

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỦA NHÀ NƯỚC NHẪM KHUYẾN KHÍCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT RAU CỦA VIỆT NAM ÁP DỤNG VIETGAP

Đỗ Thị Hải Hà\*, Nguyễn Thị Hồng Trang\*\*

Ngày nhận: 25/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/10/2014

Ngày duyệt đăng: 4/11/2014

## Tóm tắt:

*Xuất phát từ xu hướng chung của thế giới về sự cần thiết phải áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông sản nói chung và mặt hàng rau nói riêng nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, lợi ích môi trường, lợi ích kinh tế và sức khỏe của người sản xuất, cũng như từ những quan ngại hiện nay về vệ sinh an toàn thực phẩm tại Việt Nam, bài viết này phân tích các hướng nghiên cứu khác nhau liên quan đến GAP, giới thiệu mô hình VietGAP, phân tích thực trạng áp dụng VietGAP trong sản xuất rau tại Việt Nam, từ đó chỉ rõ sự cần thiết phải có những giải pháp khuyến khích áp dụng VietGAP trong sản xuất rau an toàn tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** An toàn thực phẩm, GAP, VietGAP

## Government policies to promote application of VietGAP in vegetable production facilities in Vietnam

### Abstract:

*Starting from the world trend about the need to apply good agricultural practices (GAP) in the production of agricultural commodities in general and vegetables in particular to ensure food safety, environmental benefits, economic interests and health of producers, as well as current concerns about food safety in Vietnam, this article will review various research approaches to GAP in general and VietGAP in particular. The current situation of applying VietGAP in producing vegetables will be analyzed to provide evidence for proposing solutions to promote application of VietGAP in vegetable production in Vietnam.*

**Keywords:** food safety, GAP, VietGAP

## 1. Đặt vấn đề

An toàn thực phẩm là khái niệm chỉ ra thực phẩm sẽ không gây nguy hại cho người tiêu dùng khi được chế biến hoặc sử dụng đúng mục đích. Khi đề cập đến an toàn thực phẩm phải nghĩ ngay đến sự có mặt của các mối nguy an toàn thực phẩm mà không bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sức khỏe con người, ví dụ thực phẩm không cung cấp đủ dinh dưỡng (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007). Mối nguy an toàn thực phẩm là các tác nhân sinh học, hóa học hoặc vật lý trong thực phẩm, làm thực phẩm mất an toàn, gây hại sức khỏe người tiêu dùng. Kết

quả giám sát và lấy mẫu năm 2012 cho thấy tỷ lệ tồn dư hóa chất độc hại trên rau và nhiễm khuẩn trên thịt đứng đầu các loại nông sản, tỷ lệ mẫu rau quả có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật vượt quá giới hạn cho phép giảm nhẹ so với năm 2011 nhưng còn ở mức cao với 96/1200 mẫu (chiếm 8%) (Nguyễn Hưng, 2013).

Người tiêu dùng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng rất quan ngại về an toàn thực phẩm do hàng loạt các vụ việc mất an toàn thực phẩm đã xảy ra trong thập kỷ vừa qua và không có dấu hiệu giảm sút (Loc, 2006). Việc đảm bảo an toàn thực

phẩm trong sản xuất rau, quả tươi ở các quốc gia trên thế giới đã được thực hiện thông qua thực hành nông nghiệp tốt (GAP - Good Agricultural Practices). GAP là những thực hành nhằm giải quyết tính bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội cho các quy trình nông nghiệp và chế tạo thực phẩm, các sản phẩm nông nghiệp phi thực phẩm an toàn và chất lượng (FAO, 2003). GAP dựa trên bốn nền tảng là khả năng kinh tế, tính bền vững của môi trường, sự chấp nhận của xã hội và chất lượng an toàn thực phẩm (Mushobozi, 2010). Các bên liên quan đến GAP bao gồm nhà nước, các ngành công nghiệp chế biến và bán lẻ thực phẩm, nông dân - người sản xuất nông nghiệp và người tiêu dùng (FAO, 2003). Việc mở rộng áp dụng GAP sẽ mang lại các lợi ích cho các nhà sản xuất quy mô nhỏ ở các nước đang phát triển cả về sự an toàn, kinh tế và tính bền vững của sản xuất trong nước và an ninh sinh kế.

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến việc áp dụng GAP trong sản xuất nông sản nói chung và rau an toàn nói riêng, nhưng nghiên cứu cụ thể về các hỗ trợ của Nhà nước đối với sản xuất rau an toàn áp dụng GAP còn rất ít. Tại Việt Nam, các nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản và nghiên cứu về chuỗi giá trị nông sản chủ yếu mô tả thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, giải pháp về cơ chế chính sách thúc đẩy hoàn thiện mô hình chuỗi giá trị nông sản. Chưa có nghiên cứu cụ thể nào về chính sách Nhà nước hỗ trợ các cơ sở sản xuất rau an toàn áp dụng VietGAP. Bài viết này phân tích các hướng nghiên cứu khác nhau liên quan đến GAP, giới thiệu mô hình Viet-GAP, phân tích thực trạng áp dụng VietGAP trong sản xuất rau tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau áp dụng VietGAP.

## 2. Tổng quan nghiên cứu liên quan đến GAP

Khái niệm “thực hành nông nghiệp tốt - GAP” xuất hiện trên thế giới từ cuối những năm 1990 bởi Tổ chức Nông lương của Liên hợp quốc (Food and Agriculture Organization of The United Nations - FAO) trong bối cảnh nền kinh tế thực phẩm toàn cầu hóa nhanh chóng (Mushobozi, 2010). GAP là kết quả của các mối quan tâm và những cam kết về sản xuất và an ninh lương thực, an toàn và chất lượng thực phẩm cũng như tính bền vững môi trường nông nghiệp của nhiều bên liên quan. Giới nghiên cứu và các nhà quản lý thực tiễn đã rất chú trọng tới việc trả lời câu hỏi quản lý quan trọng là “Làm thế nào để

duy trì và nhân rộng sản xuất nông sản áp dụng GAP nhằm đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm?”. Các nghiên cứu tập trung vào ba hướng nghiên cứu chính sau:

(1) Hướng nghiên cứu thứ nhất phân tích các yếu tố nội sinh và ngoại sinh ảnh hưởng đến việc áp dụng GAP. Các nghiên cứu của Sriwichailamphan và cộng sự (2008) hay của Zhou và Jin (2009) đã chỉ ra nhóm yếu tố nội sinh như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, kinh nghiệm, nhận thức, cam kết, sự tiến bộ và sự quan tâm đến môi trường của người sản xuất, sản lượng sản xuất, khả năng có hợp đồng đầu ra của cơ sở sản xuất; và nhóm yếu tố ngoại sinh như quy định về an toàn thực phẩm, vai trò của Nhà nước, yêu cầu của thị trường, quan hệ đối tác chiến lược giữa các tác nhân trong chuỗi sản xuất nông sản có ảnh hưởng lớn đến quyết định áp dụng GAP của cơ sở sản xuất nông sản nói chung, cơ sở sản xuất rau nói riêng

(2) Hướng nghiên cứu thứ hai tiếp cận thực hành nông nghiệp tốt dựa trên phân tích theo chuỗi giá trị nông sản (Wannamolee, 2008; Mushobozi, 2010; Jiao và cộng sự, 2010; Nguyễn Thị Liên, 2011; Lê Trọng Hải, 2011). Cách tiếp cận này chỉ ra việc áp dụng GAP trong sản xuất nông sản nói chung, rau an toàn nói riêng là kết quả từ quan hệ đối tác chiến lược giữa các tác nhân (nhà sản xuất, nhà chế biến và nhà tiêu thụ) trong chuỗi sản xuất nông sản nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường. Theo Mushobozi (2010), thiếu nhận thức về GAP của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp sản xuất và chế biến, cũng như thiếu một tổ chức người tiêu dùng tích cực thúc đẩy việc cải thiện an toàn thực phẩm là nguyên nhân chính của việc không đảm bảo an toàn thực phẩm ở Tanzania. Quốc Hội (2010) tại điều 3 nêu rõ “quản lý an toàn thực phẩm phải được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên cơ sở phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm”. Như vậy, cần phải kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất.

(3) Hướng thứ ba tiếp cận từ góc độ vai trò của nhà nước đối với sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn GAP (Hobbs, 2003; Hanak và cộng sự, 2002; Wannamolee, 2008; Srimanee và Routray, 2011). Theo Wannamolee (2008), toàn bộ quá trình chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP được thực hiện bởi nhà nước, từ việc thiết lập các tiêu chuẩn, cung cấp dịch vụ tư vấn, ‘cầm tay chỉ việc’ và cấp giấy chứng nhận. Ngoài hoạt động kiểm soát, Nhà nước còn thực hiện việc hỗ trợ đối với sản xuất nông sản áp dụng GAP. Các chính sách hỗ trợ có thể được chia thành các ưu

đãi về kinh tế như tăng và ổn định doanh thu, giảm chi phí trung bình, cải thiện việc tiếp cận thị trường, giảm rủi ro cho hoạt động nông nghiệp của người nghèo; ưu đãi về pháp lý bao gồm những thay đổi trong quyền sở hữu, thuế, trách nhiệm pháp lý, các trợ cấp; và các khuyến khích nguồn nhân lực bao gồm việc tiếp cận những kỹ năng mới (Hobbs, 2003).

Nghiên cứu của Srimanee và Routray (2011) đã cho thấy các nhà hoạch định chính sách cần xây dựng chính sách phù hợp phát triển thị trường rau quả tươi sạch thông qua các kênh siêu thị, đồng thời bảo vệ lợi ích kinh tế cho người sản xuất. Trong bối cảnh các nước đang phát triển, Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp đỡ các doanh nghiệp tiến hành việc chuyển đổi nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, ngay cả với các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh. Mặc dù nhà sản xuất là người khởi xướng việc thực hiện, nhưng sự hỗ trợ từ Nhà nước có ảnh hưởng quyết định đến thành công của các chương trình đảm bảo an toàn thực phẩm trong ngành hải sản của Thái Lan, sản phẩm tươi sống của Costa Rica, cũng như trong các mô hình thí điểm rau an toàn tại Việt Nam và bánh kẹo lạc ở Senegal (Hanak và cộng sự, 2002).

Theo Lưu Thái Bình (2012), việc tìm hiểu quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau ở Việt Nam cho thấy: sản xuất rau nhỏ lẻ, trình độ hạn chế dẫn đến năng suất và chất lượng không được như mong muốn, hiệu quả kinh tế thấp. Do vậy, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ cho tổ chức sản xuất rau trong đó cần áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao tỷ lệ rau qua chế biến, góp phần nâng cao chuỗi giá trị ngành rau, đẩy mạnh phát triển sản xuất rau an toàn. Việc tổ chức tiêu thụ bất hợp lý, việc quản lý chưa chặt chẽ dẫn đến nhiều cơ sở vi phạm tiêu chuẩn an toàn tạo ra sự mất lòng tin của người tiêu dùng. Điều đó cho thấy cần có các chính sách khuyến khích tiêu thụ rau an toàn (Đào Đức Huân, 2009).

Ba cách tiếp cận trên có mối liên hệ chặt chẽ, chú trọng vào các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng GAP trong sản xuất nông sản. Các nghiên cứu đều hướng đến mục tiêu chung là thúc đẩy việc áp dụng GAP nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài cho người sản xuất, người tiêu dùng và toàn xã hội.

### 3. Mô hình VietGAP

Ở Việt Nam, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi (gọi tắt là VietGAP - Vietnamese Good Agricultural Practices) là những nguyên tắc,

trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2008). VietGAP cho rau, quả tươi an toàn dựa trên cơ sở Asean-GAP (tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt của các nước Đông Nam Á), EurepGAP (tiêu chuẩn của châu Âu về thực hành nông nghiệp tốt) hoặc GlobalGAP (thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu) và FRESHCARE (thực hành nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn của Úc), nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho rau, quả Việt Nam tham gia thị trường khu vực ASEAN và thế giới, hướng tới sản xuất nông nghiệp bền vững. VietGAP hiện nay nhằm đạt được bốn mục đích: đầu tiên là đảm bảo an toàn thực phẩm; thứ hai là sản phẩm đó phải truy nguyên nguồn gốc; thứ ba là phải đảm bảo được môi trường, sức khỏe cho người lao động, và thứ tư là đảm bảo được phúc lợi cho người lao động.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2008), VietGAP bao gồm 12 nội dung: (1) Đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất; (2) giống và gốc ghép; (3) quản lý đất và giá thể; (4) phân bón và chất phụ gia; (5) nước tưới; (6) hóa chất (bao gồm cả thuốc bảo vệ thực vật); (7) thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; (8) quản lý và xử lý chất thải; (9) an toàn lao động; (10) ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm; (11) kiểm tra nội bộ; và (12) khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Các nội dung trên quy định những nguyên tắc, trình tự, thủ tục mà người sản xuất rau, cơ sở sản xuất rau cần tuân thủ để sản xuất được rau an toàn. Người sản xuất rau đều phải ghi chép và lưu giữ đầy đủ hồ sơ về các nội dung này trong nhật ký sản xuất, nhật ký về bảo vệ thực vật, phân bón, bán sản phẩm... Việc chứng nhận cơ sở sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP do cơ quan chứng nhận được Nhà nước chỉ định. Hệ thống tiêu chí đánh giá việc áp dụng VietGAP tại cơ sở sản xuất rau gồm 65 tiêu chí gắn liền với các nội dung của VietGAP nêu trên (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2008). Để được chứng nhận VietGAP, cơ sở sản xuất rau bắt buộc phải đảm bảo hết tất cả các tiêu chí trong VietGAP cho từng loại sản phẩm cụ thể; mỗi loại rau, quả, hoặc lúa, chè, cà phê lại có các yêu cầu riêng.

Ngoài ra, hiện nay một số cơ sở sản xuất rau chưa có khả năng đáp ứng được tất cả các tiêu chí trong VietGAP, họ sẽ nhắm đến 1 số tiêu chí cơ bản và

thực hiện theo các tiêu chí đó, được gọi là sản xuất theo hướng VietGAP. Các cơ sở sản xuất theo hướng VietGAP này chủ yếu nhắm đến phần đảm bảo về an toàn thực phẩm là chính. Như vậy, việc áp dụng theo hướng VietGAP và được chứng nhận VietGAP là hoàn toàn khác nhau, tùy thuộc vào việc cơ sở sản xuất áp dụng một số tiêu chí hay toàn bộ các tiêu chí trong VietGAP.

#### **4. Thực trạng áp dụng VietGAP trong sản xuất rau tại Việt Nam**

Theo số liệu tổng hợp từ website Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ([www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)), tính đến tháng 08 năm 2014, diện tích trồng rau cả nước hiện đạt khoảng 760.058 ha. 38 tỉnh, thành phố đã có cơ sở áp dụng và đạt chứng nhận VietGAP. Việc áp dụng VietGAP trong sản xuất rau đã thành công, mang lại nhiều lợi ích về môi trường, sức khỏe cho người lao động, đảm bảo an toàn thực phẩm, có khả năng truy xuất nguồn gốc và mang lại hiệu quả kinh tế (Bảng 1).

Tuy nhiên, diện tích rau VietGAP còn rất ít, mới có khoảng hơn 2.571 ha được cấp chứng nhận VietGAP, chiếm 0,34% tổng diện tích trồng rau, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Phú Yên, Lâm Đồng, Vĩnh Phúc, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Hà Nội, Hải Dương và Quảng Nam (tổng hợp từ website Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Việc duy trì và nhân rộng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Ở nước ta, các văn bản pháp luật về chế tài xử phạt vi phạm an toàn thực phẩm đã có tương đối đầy đủ nhưng chưa được cụ thể; việc thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa được nghiêm minh. Đó là một trong những nguyên nhân hạn chế việc áp dụng VietGAP trong các cơ sở sản xuất rau. Hiện nay, quy hoạch phát triển rau ở các tỉnh đã có, nhưng quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn lại đòi hỏi rất nhiều yếu tố, trước hết là điều kiện sản xuất an toàn để tránh nguy cơ ô nhiễm như hệ thống cung cấp nước tưới, tiêu nước phải đạt tiêu chuẩn, đất cần phải được phân tích về kim loại nặng, vi sinh vật, phải cách xa khu công nghiệp... Kinh phí cho việc lập quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn rất tốn kém và hầu như phải lấy từ ngân sách của địa phương do ngân sách nhà nước rất hạn hẹp, đặc biệt trong mấy năm gần đây hầu như không có, vì vậy việc quy hoạch cũng bị đình trệ (Bộ Y tế, 2011).

Bên cạnh đó, người sản xuất áp dụng VietGAP còn chưa hăng say do đất đã được giao cho nông hộ, họ không thể tích tụ ruộng đất. Gần đây, Nhà nước

mới thông qua Luật Đất đai sửa đổi theo đó quy định kéo dài thời hạn sử dụng đối với đất nông nghiệp thành 50 năm và nông dân được tiếp tục sử dụng theo thời hạn mới mà không cần bất kỳ một thủ tục nào thì người sản xuất mới dám đầu tư, tích tụ ruộng đất.

Nước ta có tỷ lệ làm nông nghiệp cao, diện tích làm nông nghiệp lớn nhưng số người làm nông nghiệp cũng rất lớn vì sản xuất nông nghiệp của ta nhỏ lẻ, manh mún, sản xuất theo kiểu hộ cá thể dẫn đến việc áp dụng VietGAP gặp khó khăn, từ đầu tư cho hạ tầng đến chi phí chứng nhận. Đa số các cơ sở sản xuất đang chuyển từ tập quán sản xuất nhỏ lẻ và theo phương thức truyền thống sang sản xuất một cách bài bản thì gặp rất nhiều vướng mắc, nhất là khi trình độ của người nông dân không cao trong khi đặc điểm của VietGAP là phức tạp trong ghi chép, lưu trữ hồ sơ.

Một nguyên nhân quan trọng nữa dẫn đến sản xuất rau VietGAP chưa nhân rộng được là do cơ sở sản xuất không muốn duy trì thực hành VietGAP. Dễ thấy khi áp dụng VietGAP mà thu nhập của người trồng không tăng hơn so với sản xuất truyền thống, trong khi phải mất công ghi chép, quản lý, đầu tư nhiều cho hạ tầng thì họ sẽ không muốn duy trì. Thêm nữa, việc tìm kiếm thị trường luôn là một thách thức đối với các cơ sở sản xuất, nhất là những cơ sở nhỏ lẻ. Những cơ sở sản xuất rau an toàn sẽ có điều kiện tương đối đủ để sản xuất VietGAP, vì diện tích, môi trường, nước tưới đã có sẵn, nên cơ sở cũng sẵn sàng tiếp nhận thêm, nâng cấp lên một mức, nhưng họ không muốn áp dụng VietGAP do vấn đề về thị trường tiêu thụ, việc cạnh tranh với rau không an toàn hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn.

Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất rau VietGAP về hạ tầng kỹ thuật, tập huấn, đào tạo, phí cấp giấy chứng nhận... giúp cơ sở đương đầu với những khó khăn để áp dụng VietGAP thành công. Những hỗ trợ này đều mang tính cơ bản nhưng thường là hỗ trợ lần đầu. Khi được hỗ trợ, các cơ sở đều muốn tham gia, nhưng khi Nhà nước ngừng hỗ trợ, các cơ sở không duy trì sản xuất rau VietGAP vì họ không tiêu thụ được sản phẩm.

Ngoài nguyên nhân về phía Nhà nước và cơ sở sản xuất, người tiêu dùng có ảnh hưởng rất lớn đến việc áp dụng VietGAP; càng nhiều người biết về VietGAP, muốn sử dụng rau VietGAP thì các cơ sở sẽ càng mở rộng áp dụng. Tuy nhiên, hiện nay hiểu biết của người tiêu dùng về VietGAP không nhiều, họ chủ yếu nói về rau an toàn nhiều hơn là nói về

**Bảng 1: Tình hình sản xuất rau an toàn VietGAP tại Việt Nam**

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tỉnh/ thành	Bắc Giang	Bình Dương	Bình Định	Đắk Lắk	Đồng Nai	Đông Tháp	Đà Nẵng	Gia Lai	Hà Giang	Hà Nam	Hải Dương	Hải Phòng	Hà Nội
Tổng diện tích rau (ha)	18888	3307	6131	27855	7236	9237	207	27000	6895	6612	36872	10766	21062
Diện tích rau VietGAP (ha)	10,05	0,758	9,827	15,47	2,4	0,6	13,725	10,5	8,5	5	21,65	5,1	32,422
Tỷ lệ rau VietGAP (%)	0,05	0,023	0,16	0,056	0,033	0,006	6,63	0,039	0,123	0,076	0,059	0,047	0,154
Số cơ sở rau VietGAP	1	1	2	3	1	1	3	3	4	1	2	2	12
<b>TT</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>26</b>
Tỉnh/ thành	Hòa Bình	Hưng Yên	Khánh Hòa	Kiên Giang	Lào Cai	Lâm Đồng	Long An	Nghệ An	Ninh Bình	Ninh Thuận	Phú Yên	Quảng Bình	Quảng Nam
Tổng diện tích rau (ha)	4010	13297	5323	5323	5304	38948	8069	22245	9162	5027	7363	-	18500
Diện tích rau VietGAP (ha)	9,9	3	272	1,5	20	568,54	19	34,57	9,858	12	891,1	3,5	29,97
Tỷ lệ rau VietGAP (%)	0,247	0,023	5,11	0,028	0,377	1,46	0,235	0,155	0,108	0,239	12,102	-	0,162
Số cơ sở rau VietGAP	1	1	1	1	1	78	4	3	2	5	2	2	3
<b>TT</b>	<b>27</b>	<b>28</b>	<b>29</b>	<b>30</b>	<b>31</b>	<b>32</b>	<b>33</b>	<b>34</b>	<b>35</b>	<b>36</b>	<b>37</b>	<b>38</b>	
Tỉnh/ thành	Quảng Ngãi	Quảng Trị	Sóc Trăng	Sơn La	Tây Ninh	Thái Nguyên	TP. HCM	Thừa Thiên-Huế	Tiền Giang	Trà Vinh	Tuyên Quang	Vĩnh Phúc	Tông
Tổng diện tích rau (ha)	8030	4078	41458	5011	20419	17631	12054	6396	41084	23403	-	8016	760058
Diện tích rau VietGAP (ha)	1	12,703	2,03	13,97	37	2,694	138,7	30	15,14	8,18	2	282,3	2571,2
Tỷ lệ rau VietGAP (%)	0,012	0,312	0,005	0,279	0,181	0,015	1,151	0,469	0,037	0,035	-	3,522	0,34
Số cơ sở rau VietGAP	1	2	1	3	2	1	220	1	2	1	1	12	387

Nguồn: tổng hợp số liệu từ website Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tính đến ngày 2 tháng 9 năm 2014

VietGAP. Phần lớn các siêu thị, cửa hàng bán lẻ hiện nay đang yêu cầu giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, chỉ có một số ít đơn vị yêu cầu chứng nhận VietGAP.

Ngoài ra, khách hàng chủ yếu của các cơ sở là các thương lái bán buôn tại các chợ đầu mối hầu như không có yêu cầu về VietGAP. Thêm vào đó, niềm tin của người tiêu dùng đối với rau an toàn chưa cao. Rau VietGAP không thể được tiêu thụ nếu không qua sơ chế, đóng gói, dán nhãn. Hình thức rau an toàn lại không bắt mắt bằng rau thường, sau khi đóng gói không thể phun nước nên nhanh héo khi không được bảo quản mát, do vậy thường chỉ được bán trong các siêu thị, cửa hàng, ít được bán tại các chợ.

Tất cả những chi phí cho sơ chế, đóng gói, bảo quản, phân phối thường phải chiếm đến 50% giá thành một gói rau. Vì vậy, giá rau an toàn thường khá đắt, số người tiêu dùng sẵn sàng mua rau giá cao không nhiều. Đa bộ phận người tiêu dùng trong nước chưa sử dụng rau VietGAP. Người mua vẫn theo thói quen mua rau ngoài chợ, hoặc cần sử dụng rau an toàn nhưng ngại không muốn vào siêu thị mua rau. Lượng người mua rau tại siêu thị, cửa hàng không lớn nên việc tiêu thụ rau an toàn càng khó khăn. Ngay cả khi rau đã được đóng gói và có chứng nhận, để tạo lòng tin cho mọi người đó là rau an toàn VietGAP vẫn là việc khó.

Hơn nữa, do tập quán tiêu dùng của nhiều địa phương ở nước ta có những nét đặc biệt, như là không ăn rau sau sơ chế nhiều, không ăn rau chế biến, không muốn mất chi phí cho sơ chế rau; khác với thị trường nước ngoài là ăn rau chế biến nhiều. Những phân tích trên đây đã chỉ ra những nguyên nhân chưa duy trì và nhân rộng được việc sản xuất rau VietGAP tại các cơ sở sản xuất rau ở nước ta.

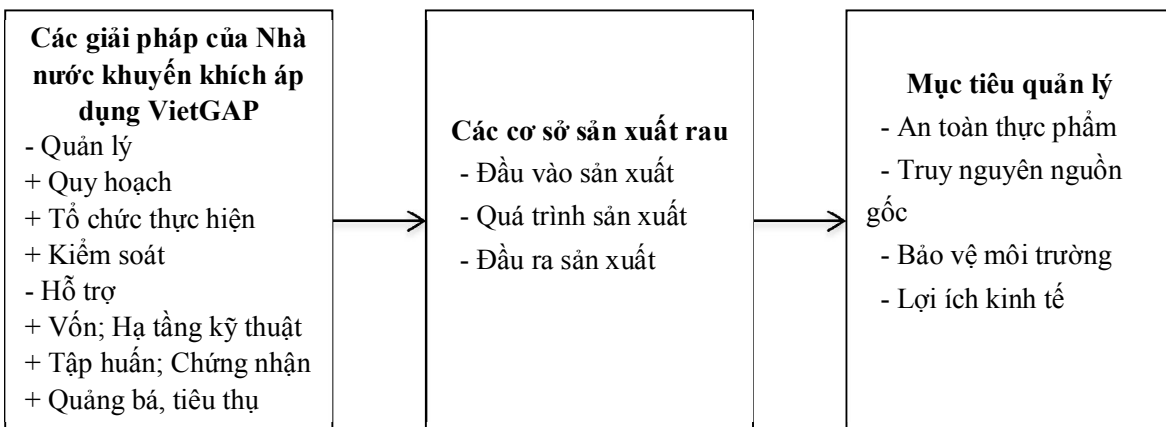
## 5. Một số giải pháp của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau áp dụng VietGAP

Các giải pháp của Nhà nước bao gồm các giải pháp quản lý và các giải pháp hỗ trợ nhằm tác động lên các cơ sở sản xuất rau từ đầu vào, trong quá trình và cả đầu ra của quá trình sản xuất nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, truy nguyên nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho người lao động, và phúc lợi cho người sản xuất.

Các giải pháp quản lý của Nhà nước bao gồm quy hoạch, tổ chức thực hiện đến kiểm soát việc áp dụng VietGAP trong sản xuất rau. Nhà nước có thể chọn một vùng đất tốt đã tiến hành sản xuất rau an toàn, được cơ quan nhà nước thường xuyên lấy mẫu kiểm tra nhằm giảm chi phí quản lý, đầu tư cải tạo đất, hạ tầng cơ sở, và cả chi phí đào tạo do người sản xuất đã có những kiến thức cơ bản về rau an toàn nên sẽ thuận lợi hơn khi nâng cấp trình độ, để canh tác làm điếm rồi từ đó nhân rộng lên. Vùng rau VietGAP điếm phải có diện tích đủ lớn để người tiêu dùng, các khách hàng đến tham quan thực tế và công nhận sản phẩm an toàn.

Nhà nước cần đổi mới hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất và kinh doanh rau an toàn. Với rau tiêu thụ trên thị trường, cần đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ, có đóng gói, tem nhãn nhận diện, phân biệt sản phẩm đã kiểm soát an toàn thực phẩm và chưa kiểm soát an toàn thực phẩm. Giám sát việc tuân thủ các trình tự, thủ tục của các cơ sở được chứng nhận VietGAP cần được tiến hành thường xuyên bởi nhiều bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, nội bộ cơ sở và cộng đồng. Các cơ quan quản lý cần thường xuyên kết nối thông tin về an toàn thực phẩm với cộng đồng, công khai các cơ sở vi phạm

**Hình 1: Tác động của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau áp dụng VietGAP**



Nguồn: Tác giả đề xuất

để có tính răn đe việc tuân thủ quy định an toàn thực phẩm.

Bên cạnh đó, hầu hết các cơ sở khi bắt đầu áp dụng VietGAP đều gặp những khó khăn về chi phí đầu tư trang thiết bị, hạ tầng cơ sở ban đầu, chi phí quản lý việc tuân thủ các quy định, chi phí chứng nhận. Các cơ sở kinh doanh rau VietGAP cần có nguồn vốn để có thể duy trì lâu dài việc phát triển đầu ra vì khi cơ sở kinh doanh mua rau từ nông dân họ phải trả tiền ngay, nhưng khi bán vào siêu thị thì có thể sau hai, ba tháng mới thu hồi được vốn, dẫn đến thiếu vốn kinh doanh và quay vòng vốn. Vì vậy, Nhà nước có thể hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng sơ chế, phí cấp giấy chứng nhận, và phụ cấp cho các cán bộ kỹ thuật của cơ sở, cho vay ưu đãi về lãi suất cho các cơ sở tuân thủ tốt việc áp dụng VietGAP.

Quá trình thực hiện VietGAP của cơ sở sản xuất còn nhiều hạn chế trong việc ghi chép hồ sơ truy nguyên nguồn gốc. Người nông dân khó có thể ghi tất cả các mẫu biểu như trong (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2008). Bên cạnh việc tập huấn cho người trồng về các trình tự, thủ tục cần tuân thủ trong việc áp dụng VietGAP, Nhà nước có thể tháo gỡ khó khăn trong việc ghi chép của người sản xuất bằng việc sơ lược hóa, tối thiểu hóa việc ghi chép của nông dân, nên phân rõ nông dân ghi mẫu nào, cán bộ cơ sở có trình độ cao hơn ghi mẫu nào để thuận tiện cho việc áp dụng.

Ngoài ra, Nhà nước có thể hỗ trợ các cơ sở sản xuất và kinh doanh rau VietGAP phát triển thị trường đầu ra, hỗ trợ tuyên truyền, thống nhất sử dụng một logo cho sản phẩm VietGAP để người tiêu dùng biết đến VietGAP vì chi phí cho khâu quảng bá, tiếp thị là rất lớn trong khi rau là sản phẩm có giá thấp. Rau VietGAP nên bắt đầu tiêu thụ từ các thành phố lớn là nơi dễ chấp nhận sản phẩm rau VietGAP do giá rau VietGAP cao hơn giá rau thông thường. Thường các thành phố lớn là nơi sinh sống và làm

việc của người dân mọi miền đất nước. Khi khách hàng thấy được những lợi ích về sức khỏe khi sử dụng rau VietGAP, họ sẽ tuyên truyền với gia đình, người quen của mình ở các địa phương khác. Mọi người thấy được lợi ích thì họ sẽ làm VietGAP và tiêu thụ VietGAP, qua đó VietGAP sẽ được nhân rộng.

Thủ tướng Chính phủ (2012) đã ban hành một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, nhiều chương trình, dự án do Nhà nước và các tổ chức quốc tế đã hỗ trợ cho việc thực hiện VietGAP tại các cơ sở sản xuất rau an toàn tại các tỉnh, thành phố trên cả nước. Một số chính sách hỗ trợ cho việc áp dụng VietGAP có thể bao gồm: (1) hạ tầng kỹ thuật; (2) đào tạo, tập huấn cho người sản xuất; (3) hướng dẫn, kinh phí cấp giấy chứng nhận VietGAP; (4) áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới; (5) xúc tiến thương mại và các hỗ trợ khác theo quy định. Tuy nhiên, các hỗ trợ của Nhà nước nên đồng bộ, đầy đủ các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở yên tâm đầu tư, đặc biệt là các cơ sở mới bắt đầu áp dụng VietGAP do rau là một mặt hàng nhạy cảm và nhiều rủi ro. Sau một năm hỗ trợ tập huấn về sản xuất, cơ sở đã có kiến thức rồi, việc cập nhật kiến thức sẽ đơn giản hơn thì không nhất thiết cần duy trì tiếp hỗ trợ tập huấn. Nhưng với góc độ tiêu thụ sản phẩm, ít nhất Nhà nước nên duy trì cho cơ sở một, hai, hay ba năm cho tới khi cơ sở có khả năng tự tìm thị trường thì mới nên dừng hỗ trợ.

Trên đây là một số đề xuất giải pháp của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau của Việt Nam duy trì và nhân rộng việc áp dụng VietGAP. Trong tương lai sẽ cần có những nghiên cứu đánh giá chi tiết hơn tác động của các chính sách Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau áp dụng VietGAP, từ đó xác định rõ những chính sách nào Nhà nước cần đặc biệt quan tâm cũng như phương thức hỗ trợ nào là phù hợp nhất. □

### Tài liệu tham khảo

- Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 22000:2007 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm*. Hà Nội.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2008), Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN, *Ban hành Quy trình Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn*, ban hành ngày 28 tháng 01 năm 2008.
- Bộ Y tế (2011), *Chiến lược Quốc gia An toàn Thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 (Dự thảo 9)*, ban hành tháng 03 năm 2011.
- Đào Đức Huân (2009), 'Nghiên cứu thực trạng về công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm một số nông sản sản xuất ở vùng Đồng bằng sông Hồng', đề tài dự án, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn - IPSARD.

- FAO (2003), *Development of a Good Agricultural Approach*, Rome.
- Hanak, E., Boutrif, E., Fabre, P. và Pineiro, M. (2002), 'Food Safety Management in Developing Countries', *Proceedings of the International Workshop*, Montpellier, France.
- Hobbs, J.E. (2003), 'Incentives for the Adoption of Good Agricultural Practices (GAPs)', FAO Working Paper for Expert Consultation on Good Agriculture Practice.
- Jiao, W., Fu, Z., Mu, W., McLaughlin, N. và Xu, M. (2010), 'Influence of supply chain model on quality and safety control of table grape and performance of small-scale vinegrowers in China', China Agricultural University, Beijing.
- Lê Trọng Hải (2011), 'Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác giữa HTX, tổ nhóm với các tác nhân phát triển chuỗi giá trị một số sản phẩm nông sản ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam', đề tài dự án, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn - IPSARD.
- Loc, V. T. T. (2006), 'Seafood supply chain quality management: the shrimp supply chain quality improvement perspective of seafood companies in the Mekong Delta, Vietnam', Doctoral thesis, University of Groningen.
- Lưu Thái Bình (2012), 'Tổ chức và quản lý sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong điều kiện hội nhập', luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Mushobozi, W.L. (2010), 'Good Agricultural Practices (GAP) on horticultural production for extension staff in Tanzania', Food and Agriculture organization of the United Nations, Rome.
- Nguyễn Hưng (2013), *Thịt, rau đựng đầu danh sách nhiễm khuẩn, tồn dư hóa chất*, truy cập ngày 02 tháng 09 năm 2014, từ <<http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/thit-rau-dung-dau-danh-sach-nhiem-khuan-ton-du-hoa-chat-2636534.html>>
- Nguyễn Thị Liên (2011), 'Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất mô hình liên kết sản xuất trong chuỗi ngành hàng rau chất lượng cao tại Lâm Đồng', Đề tài dự án, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn - IPSARD.
- Quốc hội (2010), *Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12*, ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2010.
- Sriwichailamphan, T., Sriboonchitta, S., Wiboonpongse, A. và Chaovanapoonphol, Y. (2008), *Factors Affecting Good Agricultural Practice in Pineapple Farming in Thailand*, truy cập ngày 02 tháng 09 năm 2014, từ <[http://www.actahort.org/books/794/794\\_40.htm](http://www.actahort.org/books/794/794_40.htm)>
- Srimanee, Y. và Routray, J.K. (2011), 'The fruit and vegetable marketing chains in Thailand: policy impacts and implications', Asian Institute of Technology, Thailand.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg, *về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*, ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2012.
- Wannamolee, W. (2008), *Development of Good Agricultural Practices (GAP) for Fruit and Vegetables in Thailand*, truy cập ngày 02 tháng 09 năm 2014, từ <<http://www.sciepub.com/reference/59399>>.
- Zhou, J. và Jin, S. (2009), 'Adoption of Food Safety and Quality Standards by China's Agricultural Cooperatives: A Way out of Monitoring Production Practices of Numerous Small-scale Farmers?', Center for Agricultural and Rural Development, Zhejiang University, China.

---

### **Thông tin tác giả:**

\* **Đỗ Thị Hải Hà**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học Quản lý, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý công và chính sách công

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: [truchainam@yahoo.com](mailto:truchainam@yahoo.com)

\*\* **Nguyễn Thị Hồng Trang**, Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học Quản lý, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Chính sách công

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: [trangdlhn@yahoo.com.vn](mailto:trangdlhn@yahoo.com.vn)